

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TRÀ VINH
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2018/HS-ST
Ngày: 29-6-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Sỹ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Trường Sơn

Bà Võ Thạch Huỳnh Xuân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Hồng Vân, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Phan Tuấn Tú - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 28/2018/TLST-HS ngày 22 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2018/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 6 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Trần Tuy P, sinh năm 1978, tại tỉnh Trà Vinh; Nơi cư trú: khóm A, phường B, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: mua bán; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Ngọc H, sinh năm 1954 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1954; bị cáo có vợ Phạm Thị Ngọc T, sinh năm 1989 và con Trần Đình D, sinh năm 2011; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt ngày 07/3/2018 đến ngày 09/3/2018 chuyển sang tạm giam cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Uông Quốc D (tên gọi khác: G), sinh ngày 01/11/1991, tại tỉnh Hưng Yên; Nơi cư trú: ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai; Tạm trú: khóm A, phường B, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: không biết chữ; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Uông Phi T, sinh năm 1955 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1957; bị cáo có vợ là Dòng Ngọc B, sinh năm 1990 và con là Uông Quốc K, sinh năm 2015; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt ngày 07/3/2018 đến ngày 09/3/2018 chuyển sang tạm giam cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại:

1. Chị Nguyễn Võ Tường V, sinh năm 1997 (có đơn xin xét xử vắng mặt)
Nơi cư trú: ấp G, xã T, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Chỗ ở hiện nay: Nhà trọ T đường M, phường A, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh (phòng số 5)

2. Chị Trần Hồng Khánh V (tên gọi khác: Bé T), sinh năm 2002 (vắng mặt).
Người đại diện hợp pháp của chị Trần Hồng Khánh V: bà Ngô Hồng H
Cùng cư trú: ấp V, xã H, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Nguyễn Thanh N, sinh năm 1986 (có đơn xin xét xử vắng mặt)
Địa chỉ: số 34 khóm A, phường B, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

2. Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1987 (vắng mặt)
Địa chỉ: số 188/14 T - T, phường S, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

3. Chị Phạm Thị Ngọc Thanh, sinh năm 1989 (có mặt)
Địa chỉ: khóm 10, phường 6, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- *Người làm chứng:* Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1982 (vắng mặt)
Địa chỉ: khóm A, phường B, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có ý định cướp giật tài sản từ trước, nên vào khoảng 16 giờ ngày 06/3/2018, Trần Tuy P điều khiển xe mô tô Honda, loại Ware RSX, màu đen đỏ, biển số 84 C1 – 201.64 của anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1987, trú số 188/14 T T, phường S, quận T, thành phố Hồ Chí Minh tham gia giao thông trên đường Điện Biên Phủ hướng từ Bệnh viện đa khoa Trà Vinh ra vòng xoay Điện Biên Phủ - Nguyễn Đăng, đến đoạn trước cửa hàng Điện Máy Xanh thuộc khóm 3, phường 6, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, Trần Tuy P phát hiện phía trước cùng chiều có chị Nguyễn Võ Tường V, sinh năm 1997, trú ấp G, xã Thuận T, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long đang điều khiển xe máy, có để 01 chiếc điện thoại di động hiệu Lenovo màu vàng, màn hình cảm ứng, kích thước 5,5 inch bên hông ba lô đeo trên vai, liền tăng ga chạy áp sát vào phía bên phải xe của chị V, dùng tay trái giật lấy điện thoại trong ba lô, rồi nhanh chóng tẩu thoát.

Sau khi cướp giật được tài sản, P mang đến nhà trọ thuộc khóm A, phường B, thành phố Trà Vinh gặp Ông Quốc D thông báo vừa mới cướp giật được chiếc điện thoại và nhờ D mang đi tiêu thụ, D thống nhất mang điện thoại đến tiệm cầm đồ 34 ở khóm A, phường B, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh cầm cho anh Nguyễn Thanh N, sinh năm 1986 là chủ tiệm với giá 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng).

Hành vi của Trần Tuy P và Ưông Quốc D bị Cơ quan điều tra Công an thành phố Trà Vinh phát hiện bắt khẩn cấp ngay sau đó.

Tại kết luận định giá tài sản số: 14/BKLDGTS ngày 12/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong hoạt động tố tụng hình sự thành phố Trà Vinh kết luận: Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Lenovo, màu vàng, màn hình cảm ứng, kích thước màn hình 5,5 inch trị giá là 1.250.000 đồng (một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Quá trình điều tra, Trần Tuy P tự khai nhận trước đó còn thực hiện hành vi cướp giật tài sản khác, cụ thể như sau:

Vào khoảng 17 giờ ngày 26/02/2018, Phong điều khiển xe mô tô nói trên tham gia giao thông trên đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, hướng từ vòng xoay đầu chợ Trà Vinh đến đường Nguyễn Thị Minh Khai. Khi đến đoạn trước Trung tâm thương mại Vincom thuộc khóm 1, phường 2, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, P phát hiện chị Trần Hồng Khánh V, sinh ngày 10/5/2002, trú ấp V, xã H, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh đang cầm chiếc điện thoại Iphone 6 Plus, màu vàng đứng trên vỉa hè sát lộ nhựa, P liền từ từ cho xe chạy đến gần sát chỗ chị Khánh V đang đứng dùng tay trái giật lấy chiếc điện thoại rồi tăng ga nhanh chóng tẩu thoát. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, P mang điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus, màu vàng vừa cướp giật được đến tiệm cầm đồ 34 ở khóm A, phường B, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh bán cho anh Nguyễn Thanh N, được 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng).

Tại kết luận định giá số 21/BKLDGTS ngày 02/4/2018, của Hội đồng định giá tài sản trong hoạt động tố tụng hình sự thành phố Trà Vinh kết luận: Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus, màu vàng trị giá là 5.600.000 đồng (năm triệu sáu trăm nghìn đồng).

Đối với anh Nguyễn Thanh T chủ phương tiện chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave RSX, màu đen đỏ, mang biển số 84C1-20164 cho Trần Tuy P mượn sử dụng đi làm phương tiện phạm tội, qua điều tra được biết anh T không có liên quan đến việc P sử dụng xe mô tô để đi thực hiện hành vi phạm tội, nên không đặt vấn đề xử lý và đã giao trả chiếc xe mô tô trên cho anh Tùng.

Đối với anh Nguyễn Thanh N là người đã 02 lần tiêu thụ tài sản của Trần Tuy P cướp giật được, qua điều tra đã xác định lúc tiêu thụ anh N không biết tài sản trên là do phạm tội mà có nên không đặt ra xử lý.

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Lenovo, màu vàng, màn hình cảm ứng, kích thước màn hình 5,5 inch đã qua sử dụng là vật chứng trong quá trình bắt khẩn cấp thu hồi được, hiện Cơ quan điều tra Công an thành phố Trà Vinh, đã xử lý giao trả lại cho chị Nguyễn Võ Tường V xong. Riêng chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus màu vàng cướp giật của chị Trần Hồng Khánh V, sau khi anh N mua đã bán lại cho người khác không rõ nhân thân địa chỉ, nên không thu hồi lại được.

Về vật chứng: Hiện Cơ quan điều tra vẫn còn đang tạm giữ số tiền 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng) Trần Tuy P nhờ Ưông Quốc D đi cầm chiếc điện thoại

nhãn hiệu Lenovo màu vàng, màn hình cảm ứng, kích thước 5,5 inch cướp giật được của chị Tường V.

Tại Bản cáo trạng số 32/CT_VKSTPTV_HS ngày 21/5/2018 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh đã truy tố bị cáo Trần Tuy P về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d,g khoản 2 Điều 171, truy tố bị cáo Uông Quốc D về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố bị cáo Trần Tuy P phạm tội “Cướp giật tài sản” bị cáo Uông Quốc D phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Như Bản cáo trạng đã nêu. Sau khi phân tích, đánh giá các tình tiết, chứng cứ của vụ án và nhân thân của các bị cáo. Vị đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điểm d,g khoản 2 Điều 171; điểm b,r,s khoản 1,2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Tuy P từ 03 đến 04 năm tù. Áp dụng: Khoản 1 Điều 323; điểm i,s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Uông Quốc D từ 06 đến 09 tháng tù. Đồng thời buộc các bị cáo nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của các bị cáo trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án. Các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Trà Vinh, Điều tra viên. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã khai nhận: Kể từ ngày 26/02/2018 đến ngày 06 /3/2018, bị cáo Trần Tuy P điều khiển xe mô tô biển số 84C1-201.64 trên địa bàn thành phố Trà Vinh cướp giật được 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus, màu vàng trị giá 5.600.000 đồng của chị Trần Hồng Khánh V, đem bán cho Nguyễn Thanh N được 1.200.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Lenovo, màn hình cảm ứng, kích thước 5,5 inch trị giá 1.250.000 đồng của chị Nguyễn Võ Tường V, bị cáo đưa cho Uông Quốc D đem cầm cho anh Nguyễn Thanh N được 500.000 đồng lấy tiền tiêu xài. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại và tang vật chứng đã thu giữ. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Trần Tuy P đã phạm vào tội “Cướp giật tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự. Bị cáo Uông Quốc D đã phạm vào tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 323

Bộ luật hình sự. Như Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng không bổ sung tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng. Xác định tư cách người tham gia tố tụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự

Xét thấy Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh truy tố bị cáo Trần Tuy P về tội “Cướp giật tài sản” theo khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự và bị cáo Uông Quốc D về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự. Là phù hợp với quy định của pháp luật, không oan, không sai.

[3] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo Trần Tuy Phong khi thực hiện tội phạm bị cáo sử dụng xe mô tô nên hết sức nguy hiểm đến tính mạng của người bị hại và những người tham gia giao thông trên đường khi bị cáo tẩu thoát, hành vi của bị cáo đã gây ảnh hưởng xấu đến trật tự chung, gây bất bình trong dư luận quần chúng. Riêng bị cáo Uông Quốc D đã bất chấp pháp luật vì ham lợi mà thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, cần xử lý nghiêm đối với các bị cáo là cần thiết.

Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử có xem xét, cân nhắc về nhân thân cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trần Tuy P phạm tội nhiều lần là tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và khai ra lần phạm tội trước đây mà Cơ quan điều tra chưa phát hiện. Mặt khác bị cáo đã tác động gia đình khắc phục hậu quả cho bị hại xong, bà ngoại bị cáo được nhà nước tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất. Là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b,r,s khoản 1,2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Uông Quốc D không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i,s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Về trách nhiệm dân sự: bị hại chị Nguyễn Võ Tường V và chị Trần Hồng Khánh V không có yêu cầu và vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thanh N, anh Nguyễn Thanh T và chị Phạm Thị Ngọc T cũng không có yêu cầu. Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về vật chứng: 01 điện thoại hiệu Lenovo màu vàng, màn hình cảm ứng và 01 xe mô tô Honda loại Wave RSX biển số 84C1-201.64. Quá trình điều tra Cơ quan điều tra Công an thành phố Trà Vinh đã xử lý trả lại cho chủ sở hữu xong. Tiếp tục quản lý số tiền 500.000 đồng của bị cáo để đảm bảo thi hành án.

[6] Về án phí: Áp dụng điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: bị cáo Trần Tuy P phạm tội “Cướp giật tài sản”, bị cáo Ưông Quốc D phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Căn cứ: Điểm d,g khoản 2 Điều 171; điểm b,r,s khoản 1,2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Tuy P 03 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 07/3/2018.

Căn cứ: Khoản 1 Điều 323; điểm i,s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Ưông Quốc D 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 07/3/2018.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Nguyễn Võ Tường V và chị Trần Hồng Khánh V không có yêu cầu. Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thanh N, anh Nguyễn Thanh T và chị Phạm Thị Ngọc T cũng không có yêu cầu. Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Tiếp tục quản lý số tiền 500.000 đồng của bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Căn cứ: Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc mỗi bị cáo nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án sơ thẩm xử công khai, báo cho bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TP.Trà Vinh;
- Chi cục THADS TPTV;
- Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Nhà tạm giữ CA TP.Trà Vinh;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thanh Sỹ

